

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 156/2024/DS-ST  
Ngày 25 – 6 – 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Tiến Sĩ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm

Bà Đoàn Thị Bầy

**- Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thúy Kiều – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2024/TLST-DS, ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự :

*Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển A; Địa chỉ: Số 25Bis, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Quận B, Thành phố C.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Phạm Quốc Th, chức vụ : tổng giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Minh L, chức vụ: giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển A – chi nhánh D

*Người được ủy quyền lại:* Ông Tô Trường X, chức vụ : chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân. Có mặt

*Bị đơn :* Ông Phạm Văn N, Sinh năm: 1959; Bà Lê Bạch H, Sinh năm : 1968; Địa chỉ: Số 8/4B đường Quang Trung, Khóm G, Phường H, thành phố E, tỉnh D và Địa chỉ : số 137A, Lý thường kiệt, **khóm F, phường J**, thành phố E, tỉnh D. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* ông Phạm Văn N và bà Lê Bạch H có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển A ( gọi tắt HBank ) số tiền 499.999.999đ tại hợp đồng tín dụng số 13023/22MN/HĐTD ngày 29/3/2022 và thẻ tín dụng số 13023/22MN/HĐTD/KUNN02, ngày 08/12/2022, với số tiền 50.000.000đ. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 128, tờ bản đồ

số 47, tọa lạc tại khóm F, phường J, thành phố E tỉnh D theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM 404707 do Ủy ban nhân dân thành phố E cấp ngày 06/8/2018, sổ vào sổ cấp GCN: CH00434, tên chủ sở hữu ông Phạm Văn N – bà Lê Bạch H. Theo hợp đồng thế chấp số 4901/20MN/HĐBĐ ngày 16/3/2020 của ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H. Quá trình vay tính đến ngày 25/6/2024 ông N, bà H còn nợ HBank tổng số tiền vốn và lãi của hai khoản là 714.970.676đ. Nay HBank yêu cầu ông N, bà H thanh toán khoản tiền này và yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp.

Đối với ông N, bà H trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN :**

[1] Về thủ tục tố tụng : Ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H đã được tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp giữa các đương sự được xác định là hợp đồng vay tài sản. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch của các đương sự là có thật xảy ra, điều này được thể hiện tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Quá trình vay phía bị đơn không đóng lãi và trả vốn đúng theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà đôi bên đã ký kết tại hợp đồng, do đó phía nguyên đơn yêu cầu ông Nam, bà Huệ thanh toán tổng số nợ vốn và lãi tính đến ngày 25/6/2024 của hai khoản vay với số tiền 714.970.676đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch : ông N, bà H phải chịu theo quy định. Ngân hàng HBank được hoàn lại khoản tiền tạm ứng án phí đã dự nộp khi bản án có hiệu lực.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển A. Buộc ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển A tổng số tiền vốn và lãi là 714.970.676đ.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp, hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho*

*vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

Trong trường hợp ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch Huệ không thanh toán khoản nợ gốc và lãi nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển A có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự E kê biên, phát mãi tài sản thế chấp bảo đảm cho các khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 47, tọa lạc tại khóm G, phường H, thành phố E, tỉnh D theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM 404707 do Ủy ban nhân dân thành phố E cấp ngày 06/8/2018, số vào sổ cấp GCN: CH00434, tên chủ sở hữu ông Phạm Văn N – bà Lê Bạch H. Theo hợp đồng thế chấp số 4901/20MN/HĐBĐ ngày 16/3/2020.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông N, bà H phải chịu 32.598.828đ (chưa nộp). Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển A không phải chịu, ngày 29 tháng 12 năm 2023 đã dự nộp 14.924.000đ đồng tại lai số 0007870 được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND thành phố Cà Mau
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn
- Lưu TM (TANDTPCM)

**Lương Tiến Sĩ**

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Tiến Sĩ**